

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẠI TỪ  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 46/2023/QĐST-HNGĐ

*Đại Từ, ngày 13 tháng 3 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992.

ĐKHKT: Xóm 5, xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: Xóm 7, xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Bùi Tiến C, sinh năm 1989.

ĐKHKT: Xóm 5, xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 Điều 213 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2023.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Bùi Tiến C.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - Về quan hệ vợ chồng: Chị Q, anh C nhất trí thuận tình ly hôn.
  - Về con chung: Chị Q và anh C có 03 con chung:
    1. Bùi Đức D, sinh ngày 07/7/2013
    2. Bùi Bảo A, sinh ngày 17/10/2014
    3. Bùi Bảo A1, sinh ngày 17/10/2014

Khi ly hôn chị Q và anh C đã tự thỏa thuận anh C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục ba con chung Bùi Đức D, sinh ngày 07/7/2013; Bùi Bảo A, sinh ngày 17/10/2014; Bùi Bảo A1, sinh ngày 17/10/2014 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp chị Q và anh C có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Chị Q được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C là 1.000.000đ/tháng cho mỗi con chung từ tháng 04/2023 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

*Trường hợp chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.*

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh C không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Q tự nguyện chịu 150.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004199 ngày 24/02/2023 tại Chi cục THADS huyện Đại Từ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đ- ơng sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã;
- L- u hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Kao Hoàng**